

QUY ĐỊNH

Về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

(Ban hành kèm theo Quyết định số 18/2017/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận).

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này điều chỉnh các hoạt động vận động, thu hút, tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (sau đây gọi tắt là ODA) và vốn vay ưu đãi của chính phủ nước ngoài, tổ chức quốc tế, tổ chức liên chính phủ hoặc liên quốc gia, tổ chức chính phủ được chính phủ nước ngoài ủy quyền (sau đây gọi chung là nhà tài trợ nước ngoài).

2. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài thuộc khu vực kinh tế tư nhân ngoài Nhà nước.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Các thuật ngữ được sử dụng trong quy định này được giải thích rõ tại Điều 3, Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ.

2. Riêng đối với thuật ngữ “Cơ quan chủ quản” trong quy định này được hiểu là “Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận”.

Điều 3. Nguyên tắc trong quản lý, sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm pháp lý đối với toàn bộ quá trình tiếp nhận, quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, dự án ODA và vốn vay ưu đãi trên địa bàn tỉnh.

2. Quản lý, sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi phải đi đôi với việc nâng cao hiệu quả sử dụng, phù hợp với năng lực tiếp nhận, sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của đơn vị; đảm bảo phù hợp với lĩnh vực ưu tiên, nguyên tắc sử dụng được quy định tại Điều 5 và Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ nhằm hỗ trợ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về vốn ODA, vốn vay ưu đãi trên cơ sở bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn và khả năng trả nợ; phân định rõ trách nhiệm, phát huy tính chủ động của đơn vị thực hiện dự án, đảm bảo sự phối hợp quản lý, giám sát và đánh giá của các cơ quan có liên quan theo quy định hiện hành của pháp luật giữa các đơn vị trong quá trình vận động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng.

4. Bảo đảm công khai, minh bạch và đề cao trách nhiệm giải trình về trình tự, thủ tục vận động, quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi giữa các ngành, lĩnh vực, tình hình thực hiện và kết quả sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi; Phòng chống tham nhũng, thất thoát, lãng phí trong quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, ngăn ngừa và xử lý các hành vi này theo quy định của pháp luật.

Chương II

QUY TRÌNH VẬN ĐỘNG, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI

Điều 4. Vận động vốn ODA và vốn vay ưu đãi

Sở Kế hoạch và Đầu tư giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chuẩn bị và thực hiện công tác vận động vốn ODA và vốn vay ưu đãi có nhiệm vụ:

1. Căn cứ chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển và nhu cầu vốn ODA, vốn vay ưu đãi của địa phương, khả năng tổ chức thực hiện, khả năng bố trí nguồn lực, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan có liên quan và các nhà tài trợ nước ngoài chủ động tham mưu UBND tỉnh tổ chức hội nghị vận động vốn ODA, vốn vay ưu đãi của tỉnh.

2. Thông qua định hướng thu hút vốn ODA và vốn vay ưu đãi, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và quy hoạch phát triển của tỉnh, phối hợp với các cơ quan có liên quan đối thoại chính sách phát triển với các nhà tài trợ nước ngoài, cung cấp thông tin về dự án và tình hình thực hiện ODA và vốn vay ưu đãi trên địa bàn tỉnh cho các bộ, ngành trung ương và nhà tài trợ trong quá trình vận động.

3. Căn cứ điều kiện cụ thể, có thể phối hợp liên kết với các tỉnh để chia sẻ thông tin, kinh nghiệm phát triển và hỗ trợ lẫn nhau trong vận động vốn ODA và vốn vay ưu đãi, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

Điều 5. Quản lý và sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi

1. Quy trình quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi đối với chương trình, dự án bao gồm:

- a) Vận động vốn ODA, vốn vay ưu đãi;
- b) Lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án;
- c) Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án;
- d) Ký kết thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi;
- e) Quản lý thực hiện chương trình, dự án;
- f) Hoàn thành, chuyển giao kết quả thực hiện chương trình, dự án.

2. Quy trình quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi đối với phi dự án thực hiện như quy trình quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi đối với chương trình, dự án quy định tại Khoản 1 Điều này.

Chương III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ XUẤT, QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ VÀ QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI

Điều 6. Thẩm quyền Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án

Chủ tịch UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án, phi dự án đối với các trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 12, Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ, trừ các trường hợp:

1. Dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Luật đầu tư công.

2. Dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật đầu tư công.

3. Các trường hợp Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ.

Điều 7. Trình tự, thủ tục Đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ vào nhu cầu vốn ODA, vốn vay ưu đãi để hỗ trợ thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm của tỉnh; chủ trương, chính sách và những lĩnh vực ưu tiên thu hút và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo quy định của pháp luật và định hướng hợp tác và lĩnh vực ưu tiên cung cấp vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài do Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành, địa phương chuẩn bị Đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo Phụ lục II của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ.

2. Các Sở, ngành, địa phương trong tỉnh căn cứ vào chức năng nhiệm vụ, định hướng phát triển ngành hoặc địa phương, xác định nhu cầu sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của đơn vị, chủ động hoặc theo hướng dẫn của Sở Kế hoạch và Đầu tư lập đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của đơn vị mình theo từng giai đoạn 05 năm và hằng năm gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 8. Trình tự, thủ tục Quyết định lựa chọn Đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư văn bản đề nghị tài trợ kèm theo Đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi. Đề xuất được lập thành 08 bản bằng hai thứ tiếng (Việt và Anh).

2. Đối với Đề xuất chương trình, dự án vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi các nhà tài trợ nước ngoài có cung cấp dự án hỗ trợ kỹ thuật đi kèm, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư văn bản đề nghị tài trợ kèm theo Đề xuất chương trình, dự án vốn vay và Đề xuất dự án hỗ trợ kỹ thuật chuẩn bị chương trình, dự án. Đề xuất được lập thành 08 bản bằng hai thứ tiếng (Việt và Anh).

Điều 9. Trình tự, thủ tục Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án, phi dự án sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh.

1. Đối với chương trình, dự án đầu tư:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh công văn kèm Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo Mẫu tại Phụ lục IIIc của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ gửi lấy ý kiến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan về chủ trương đầu tư.

b) Căn cứ ý kiến các cơ quan, ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp tham mưu UBND tỉnh tổ chức thẩm định thông qua hình thức tổ chức Hội nghị thẩm định hoặc lấy ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của các cơ quan có liên quan tùy thuộc vào quy mô, tính chất và nội dung của chương trình, dự án và quyết định chủ trương đầu tư.

2. Đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh công văn kèm Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo Mẫu tại Phụ lục IIIc, Phụ lục IV của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ gửi lấy ý kiến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan về chủ trương đầu tư.

b) Căn cứ ý kiến các cơ quan, ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn; cơ chế tài chính trong nước áp dụng đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định chủ trương đầu tư.

Điều 10. Nhiệm vụ của cơ quan chủ quản, chủ dự án trong việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án

1. Sau khi có quyết định chủ trương đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan đề xuất cơ quan làm chủ chương trình, dự án trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và ra Quyết định về chủ chương trình, dự án (sau đây gọi tắt là chủ dự án) và giao chủ dự án phối hợp với nhà tài trợ nước ngoài lập văn kiện chương trình, dự án.

2. Chủ dự án chủ trì phối hợp với nhà tài trợ và các đơn vị có liên quan lập hồ sơ, văn kiện trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt văn kiện chương trình, dự án và quyết định đầu tư chương trình, dự án theo thẩm quyền; trình cấp

có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án và quyết định đầu tư chương trình, dự án.

Điều 11. Thẩm quyền phê duyệt văn kiện chương trình, dự án và quyết định đầu tư chương trình, dự án

1. Đối với các văn kiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi (*trừ các dự án chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia đã được Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư; chương trình mục tiêu đã được Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư; chương trình kèm theo khung chính sách; chương trình, dự án trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng, tôn giáo đã được quyết định chủ trương đầu tư*), Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt văn kiện chương trình, dự án và quyết định đầu tư chương trình, dự án.

2. Đối với các dự án hỗ trợ kỹ thuật và khoản phi dự án khác thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh không tổ chức thẩm định. Chủ tịch UBND tỉnh căn cứ vào Quyết định chủ trương đầu tư để phê duyệt văn kiện dự án, khoản phi dự án và quyết định đầu tư.

Chương IV

QUẢN LÝ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN

Điều 12. Điều chỉnh nội dung chương trình, dự án

1. Trường hợp điều chỉnh nội dung chương trình, dự án trong quá trình thực hiện làm thay đổi nội dung Quyết định chủ trương đầu tư nhưng không dẫn đến sửa đổi, bổ sung, gia hạn Điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi: Chủ dự án trình Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) xử lý theo quy định tại Điều 21 của Nghị định 16/2016/NĐ-CP.

2. Trường hợp điều chỉnh nội dung chương trình, dự án trong quá trình thực hiện làm thay đổi nội dung Quyết định đầu tư nhưng không dẫn đến sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi: Chủ dự án trình Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) để quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định đầu tư theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định.

3. Trường hợp điều chỉnh nội dung chương trình, dự án trong quá trình thực hiện dẫn đến sửa đổi, bổ sung, gia hạn Điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 33 và 36 Nghị định Nghị định 16/2016/NĐ-CP.

Điều 13. Chế độ báo cáo tình hình tiếp nhận và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi đối với chủ dự án

1. Đối với các chương trình, dự án: Chủ dự án có nhiệm vụ lập báo cáo về tình hình thực hiện chương trình, dự án gửi Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư), Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ quản lý ngành liên quan. Bộ mẫu biểu báo cáo gồm các mẫu biểu báo cáo quý I, 6 tháng, quý III và cả năm theo Mẫu IV-GSĐG 1, báo cáo giám sát đánh giá trước khi khởi công

theo Mẫu IV-GSDG 2, báo cáo giám sát đánh giá khi điều chỉnh dự án theo Mẫu IV-GSDG 3 và báo cáo kết thúc chương trình, dự án theo Mẫu IV-GSDG 4 trong Phụ lục IV của Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08 tháng 08 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

a) Báo cáo quý, 6 tháng và cả năm: Báo cáo quý, 6 tháng và cả năm áp dụng đối với tất cả các chương trình, dự án.

Trong thời hạn 10 ngày sau khi kết thúc quý, 20 ngày sau khi kết thúc năm, chủ dự án phải gửi Báo cáo quý về tình hình thực hiện chương trình, dự án theo Mẫu IV-GSDG 1 trong Phụ lục IV của Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư), Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ quản lý ngành liên quan và nhà tài trợ nước ngoài, đồng thời cập nhật trực tuyến vào Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn Nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Riêng Biểu Phụ đính GSDG 1.1 chỉ gửi một lần trong kỳ báo cáo quý đầu tiên và chỉ phải gửi lại khi có thay đổi trong Điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đã ký kết. Đối với báo cáo gửi nhà tài trợ nước ngoài, ngoài bản tiếng Việt kèm theo bản tiếng Anh, trừ khi có thỏa thuận khác.

Đối với các chương trình, dự án không có các nội dung liên quan đến đền bù, giải phóng mặt bằng và tái định cư, bảo vệ môi trường không phải lập Biểu Phụ đính GSDG 1.6 và Biểu Phụ đính GSDG 1.7.

b) Báo cáo giám sát đánh giá trước khi khởi công: Báo cáo giám sát đánh giá trước khi khởi công áp dụng đối với tất cả các chương trình, dự án.

Chủ dự án có trách nhiệm gửi báo cáo giám sát đánh giá trước khi khởi công 15 ngày theo Mẫu IV-GSDG 2 quy định tại Phụ lục IV của Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT đến Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Sở Kế hoạch và Đầu tư, đồng thời cập nhật trực tuyến vào Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư các chương trình dự án sử dụng vốn Nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

c) Báo cáo giám sát, đánh giá khi điều chỉnh dự án: Báo cáo giám sát, đánh giá khi điều chỉnh dự án áp dụng đối với tất cả các chương trình, dự án.

Chủ dự án có trách nhiệm gửi báo cáo trước khi điều chỉnh dự án theo Mẫu IV-GSDG 3 quy định tại Phụ lục IV của Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT đến Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Sở Kế hoạch và Đầu tư, đồng thời cập nhật trực tuyến vào Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn Nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

d) Báo cáo kết thúc chương trình, dự án: Báo cáo kết thúc dự án áp dụng đối với tất cả các chương trình, dự án.

Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc thực hiện chương trình, dự án, chủ dự án phải gửi báo cáo theo mẫu Báo cáo kết thúc chương trình, dự án theo Mẫu IV-GSDG 4 trong Phụ lục IV của Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT đến Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư), Bộ Kế hoạch và Đầu tư và

Bộ Tài chính và nhà tài trợ nước ngoài, đồng thời cập nhật trực tuyến vào Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn Nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Đối với các dự án thành phần trong khuôn khổ chương trình, dự án ô: Chủ dự án thành phần thực hiện chế độ báo cáo và mẫu biểu báo cáo áp dụng như đối với chương trình, dự án theo quy định tại Nghị định số 16/2016/NĐ-CP và Khoản 1 Điều này. Báo cáo gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư), chủ chương trình, dự án ô.

3. Đối với phi dự án: Chế độ báo cáo và mẫu biểu báo cáo áp dụng như đối với chương trình, dự án theo quy định tại Nghị định số 16/2016/NĐ-CP và Khoản 1 Điều này.

4. Ngoài việc thực hiện chế độ báo cáo và mẫu biểu báo cáo quy định tại Điều này, trong quá trình thực hiện chương trình, dự án, nếu Điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đã ký kết có sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chủ dự án phải thông báo cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư), Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, các bộ quản lý ngành có liên quan về những thay đổi này trong kỳ báo cáo gần nhất.

5. Trường hợp Điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi có quy định riêng về chế độ báo cáo và mẫu biểu báo cáo, ngoài việc tuân thủ các quy định tại Nghị định số 16/2016/NĐ-CP và Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT, chủ dự án tuân thủ chế độ báo cáo và mẫu biểu báo cáo cam kết trong Điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

Điều 14. Chế độ báo cáo tình hình tiếp nhận và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi cấp cơ quan chủ quản

Trong thời hạn 20 ngày sau khi kết thúc quý, 30 ngày sau khi kết thúc năm, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh báo cáo tổng hợp về tình hình vận động, tiếp nhận và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, kết quả thực hiện các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền quản lý theo Mẫu IV-GSĐG 5 trong Phụ lục IV của Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT bằng văn bản và bản điện tử về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp theo chức năng, nhiệm vụ được giao, đồng thời cập nhật trực tuyến vào Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn Nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 15. Vốn chuẩn bị chương trình, dự án

1. Quyết định chủ trương đầu tư là cơ sở để lập kế hoạch và bố trí vốn chuẩn bị chương trình, dự án.

2. Đối với các chương trình, dự án được cấp phát toàn bộ từ ngân sách nhà nước, chủ dự án lập kế hoạch vốn chuẩn bị chương trình, dự án gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư vào tháng 9 hàng năm để Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp vào kế hoạch ngân sách chung hàng năm của tỉnh.

Trường hợp thời điểm lập kế hoạch vốn chuẩn bị chương trình, dự án không trùng với kỳ lập kế hoạch ngân sách hàng năm, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài chính xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối trong tổng vốn chuẩn bị chương trình, dự án đã được phân bổ. Trong trường hợp không tự cân đối được nguồn vốn này, Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính yêu cầu xem xét, quyết định việc bổ sung ngân sách.

3. Đối với chương trình, dự án vay lại toàn bộ hoặc một phần từ ngân sách nhà nước: chủ dự án tự bố trí vốn chuẩn bị chương trình, dự án trước khi ký hợp đồng vay lại. Trong trường hợp không cân đối được nguồn vốn này, chủ dự án trình cơ quan chủ quản xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Trong trường hợp nhà tài trợ nước ngoài hỗ trợ vốn để chuẩn bị chương trình, dự án, chủ dự án có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) để trình, phê duyệt theo quy định hiện hành và đưa vào kế hoạch vốn chuẩn bị chương trình, dự án hàng năm của cơ quan chủ quản.

Điều 16. Vốn đối ứng chuẩn bị và thực hiện chương trình, dự án

1. Quyết định chủ trương đầu tư là cơ sở để lập kế hoạch vốn đối ứng chuẩn bị chương trình, dự án.

2. Vốn đối ứng phải được đảm bảo đầy đủ để chuẩn bị thực hiện và thực hiện chương trình, dự án (bao gồm cả các hoạt động thực hiện trước, nếu có). Nguồn, mức vốn và cơ chế vốn đối ứng phải phù hợp với nội dung chi tiêu của chương trình, dự án đã được thống nhất giữa Ủy ban nhân dân tỉnh và nhà tài trợ nước ngoài được thể hiện trong văn kiện chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền thẩm định và quyết định đầu tư.

3. Đối với chương trình, dự án được cấp phát toàn bộ từ ngân sách nhà nước: Chủ dự án lập kế hoạch vốn chuẩn bị dự án gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính vào tháng 9 hàng năm để xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp cân đối vốn đối ứng vào kế hoạch ngân sách chung hàng năm của tỉnh; bảo đảm bố trí vốn đối ứng đầy đủ, kịp thời, phù hợp với tiến độ quy định trong văn kiện chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quyết định đầu tư, phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đối với chương trình, dự án.

4. Đối với chương trình, dự án vay lại toàn bộ hoặc một phần từ ngân sách nhà nước: Chủ dự án tự cân đối và bố trí vốn đối ứng hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định để bảo đảm đủ vốn đối ứng cho chương trình, dự án theo quy định trước khi ký hợp đồng vay lại.

5. Đối với chương trình, dự án thuộc diện cấp phát từ ngân sách nhà nước có thời điểm phê duyệt hoặc ký kết không trùng với kỳ lập dự toán ngân sách hàng năm, chưa được bố trí vốn đối ứng: Chủ dự án có đề nghị bằng văn bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài

chính để xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bổ sung vào dự toán ngân sách hàng năm.

Trường hợp thời điểm lập kế hoạch vốn đối ứng chuẩn bị thực hiện và thực hiện chương trình, dự án được xem xét tài trợ không trùng với kỳ lập kế hoạch ngân sách hàng năm, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài chính xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối trong tổng vốn đã được phân bổ. Trong trường hợp không tự cân đối được, Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính yêu cầu xem xét trình cấp có thẩm quyền quyết định việc tạm ứng vốn và sau đó khấu trừ vào kế hoạch năm tiếp theo.

6. Trong trường hợp vốn đối ứng đã được cấp phát từ ngân sách trung ương hàng năm cho chương trình, dự án không sử dụng hết, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ động tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chuyển sang cho chương trình, dự án khác có nhu cầu về vốn đối ứng nhưng số vốn đã bố trí theo kế hoạch năm không đáp ứng đủ hoặc các dự án mới được phê duyệt trong năm có nhu cầu về vốn đối ứng sau khi được cơ quan có thẩm quyền giao vốn quyết định theo quy định hiện hành, việc bổ sung vốn được thực hiện đồng thời với việc bổ sung danh mục dự án vào kế hoạch đầu tư trong năm của tỉnh. Thời điểm điều chỉnh, bổ sung theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Nguồn của vốn đối ứng bao gồm: ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác của nhà nước; vốn của chủ dự án (đối với trường hợp cho vay lại vốn ODA, vốn vay ưu đãi); vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

8. Các chương trình, dự án thuộc diện cấp phát từ ngân sách Nhà nước, do Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân xã làm chủ dự án, nếu có yêu cầu về vốn đối ứng thì Ủy ban nhân dân huyện, xã xem xét, quyết định cân đối vốn đối ứng từ nguồn ngân sách của Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân xã.

Chương V

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI

Điều 17. Quản lý Nhà nước về vốn ODA và vốn vay ưu đãi

Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý Nhà nước về vốn ODA và vốn vay ưu đãi trên địa bàn tỉnh bao gồm việc xác định chủ trương, phương hướng thu hút, vận động ODA và vốn vay ưu đãi; quản lý, sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của tỉnh; ký kết các dự án ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của tỉnh; quyết định phê duyệt thực hiện; tổ chức giám sát quá trình thực hiện và đánh giá kết quả sử dụng ODA và vốn vay ưu đãi của tỉnh.

Điều 18. Nhiệm vụ của Sở Kế hoạch và Đầu tư

Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối trong việc thu hút, quản lý, sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi trên địa bàn tỉnh, có các nhiệm vụ sau:

1. Hướng dẫn các sở, ban, ngành, địa phương Đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của đơn vị mình để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ.

2. Chủ trì soạn thảo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sử dụng ODA và vốn vay ưu đãi trên địa bàn tỉnh.

3. Chủ trì việc chuẩn bị nội dung, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức vận động nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi theo thẩm quyền.

4. Phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định về chủ dự án.

5. Hỗ trợ, hướng dẫn chủ dự án chuẩn bị lập văn kiện chương trình, dự án, lập kế hoạch chuẩn bị chương trình, dự án.

6. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp và lập kế hoạch giải ngân vốn ODA và vốn vay ưu đãi, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí đầy đủ và kịp thời vốn chuẩn bị chương trình, dự án, vốn đối ứng chuẩn bị thực hiện và thực hiện các chương trình, dự án thuộc diện cấp phát từ ngân sách Nhà nước trong kế hoạch vốn hàng năm.

7. Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng và quản lý sử dụng ODA và vốn vay ưu đãi.

8. Theo dõi, kiểm tra, giám sát việc quản lý và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án; đôn đốc, hỗ trợ việc thực hiện các chương trình, dự án. Làm đầu mối xử lý các vấn đề liên quan đến nhiều sở, ngành; kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định biện pháp xử lý các vấn đề về ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

9. Đánh giá chung về hiệu quả sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi; báo cáo tổng hợp theo định kỳ (quý, 06 tháng, năm), đột xuất và theo yêu cầu của bộ, ngành trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình quản lý, thực hiện các chương trình, dự án và hiệu quả thu hút, sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi.

Điều 19. Nhiệm vụ của Sở Tài chính

Sở Tài chính có các nhiệm vụ sau đây:

1. Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra công tác quản lý tài chính trong việc sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi.

2. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp và lập kế hoạch giải ngân nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí đầy đủ và kịp thời vốn chuẩn bị chương trình, dự án, vốn đối ứng chuẩn bị thực hiện và thực hiện các chương trình, dự án thuộc diện cấp phát từ ngân sách Nhà nước trong kế hoạch vốn đối ứng hằng năm.

Điều 20. Nhiệm vụ của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo điều hành thống nhất quản lý Nhà nước về vốn ODA và vốn vay ưu đãi.
2. Thẩm tra và đề xuất kiến nghị về cơ chế, chính sách, cách thức tổ chức thực hiện chương trình, dự án trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.
3. Phối hợp chuẩn bị nội dung, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức vận động nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi theo thẩm quyền.

Điều 21. Nhiệm vụ của Công an tỉnh

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo điều hành và quản lý Nhà nước trên lĩnh vực bảo vệ an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong hoạt động vận động, thu hút, tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi trên địa bàn tỉnh.
2. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng UBND tỉnh và các sở, ngành có liên quan theo dõi việc quản lý và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án ODA và vốn vay ưu đãi nhằm đảm bảo an ninh, trật tự.
3. Phối hợp với Sở, ngành liên quan xác minh các vấn đề liên quan đến công tác bảo vệ an ninh quốc gia để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong hoạt động thu hút, tiếp nhận, quản lý, sử dụng ODA và vốn vay ưu đãi, chủ động phòng ngừa, ngăn chặn hoạt động lợi dụng hỗ trợ, cho vay ưu đãi để tiến hành các hoạt động phá hoại, xâm phạm đến lợi ích quốc gia.

Điều 22. Nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan thuộc UBND tỉnh

1. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan thuộc UBND tỉnh ngoài việc thực hiện chức năng nhiệm vụ của chủ dự án (nếu có), thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với chương trình, dự án vốn ODA và vốn vay ưu đãi liên quan đến ngành, địa phương mình theo chức năng nhiệm vụ được giao. Khi có yêu cầu lấy ý kiến thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư về các chương trình, dự án ODA và vốn vay ưu đãi liên quan phải trả lời bằng văn bản trong thời gian chậm nhất là 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn đề nghị.
2. Có trách nhiệm phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc xây dựng kế hoạch thu hút và sử dụng ODA và vốn vay ưu đãi, cũng như trong quá trình triển khai thực hiện chương trình, dự án liên quan đến ngành, địa phương mình.
3. Hàng năm xây dựng đề xuất chương trình, dự án yêu cầu tài trợ vốn ODA và vốn vay ưu đãi của địa phương, cơ quan mình quản lý gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư và phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh ra Quyết định về chủ dự án, đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi. Phối hợp cung cấp, trao đổi thông tin tài liệu theo chức năng, nhiệm vụ được phân công nhằm thực hiện tốt công tác quản lý và sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ tại tỉnh Bình Thuận.

Điều 23. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Quy định này được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng.

2. Tổ chức, cá nhân vi phạm Quy định này thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Tổ chức thực hiện

1. Các ngành, các cấp, các chủ dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quy định này.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có phát sinh khó khăn vướng mắc, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tổng hợp gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ngọc Hai